

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

TỔNG CÔNG TY
CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 54



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP, tiền thân là Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập vào năm 1996. Đến năm 2003, theo Quyết định số 67/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11/6/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hai Tổng Công ty chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ điện và xây dựng công trình là Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi và Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 được sáp nhập thành Tổng Công ty Cơ điện - Xây dựng - Nông nghiệp và Thủy lợi (AGRIMECO). Tổng Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102887 ngày 09 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 024 66.742.798
- Fax : 024 38.615.706

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn An	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Đồng Tuấn Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thị Hằng	Trưởng ban	Ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	Ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Lê Thu Huyền	Thành viên	Ngày 25 tháng 5 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Lê Văn An	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Lương Công Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018
Ông Đỗ Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn An – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 

Tổng Giám đốc



Lê Văn An

Ngày 15 tháng 4 năm 2020

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0361/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”), được lập ngày 15 tháng 4 năm 2020, từ trang 07 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0368-2018-008-1

Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 3707-2016-008-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		942.734.905.617	922.308.457.984
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	142.985.607.511	23.870.514.337
1. Tiền	111		37.923.922.511	23.870.514.337
2. Các khoản tương đương tiền	112		105.061.685.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	4.400.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	3.000.000.000	4.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		615.491.091.020	525.402.422.680
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	301.315.812.032	285.267.092.643
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	168.407.805.558	81.843.416.827
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	103.513.157.767	78.345.424.173
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	99.294.282.193	87.204.713.648
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(57.039.966.530)	(7.258.224.611)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		163.619.371.677	360.327.044.272
1. Hàng tồn kho	141	V.8	163.619.371.677	360.327.044.272
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.638.835.409	8.308.476.695
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	3.175.319.351	2.502.119.975
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.456.834.240	5.601.386.519
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	6.681.818	204.970.201
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.105.258.106.299	1.180.129.899.188
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.731.280.005	4.731.280.005
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	115.840.818	115.840.818
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.615.439.187	4.615.439.187
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		396.483.550.876	453.326.685.980
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	396.049.766.040	452.538.464.056
<i>Nguyên giá</i>	222		724.548.042.462	740.199.822.006
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(328.498.276.422)	(287.661.357.950)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	433.784.836	788.221.924
<i>Nguyên giá</i>	228		2.665.500.000	3.157.129.360
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.231.715.164)	(2.368.907.436)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		274.533.835.533	45.737.210.324
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	274.533.835.533	45.737.210.324
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		423.281.882.714	667.343.262.140
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	204.396.707.038	216.523.842.554
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	285.928.443.866	462.735.762.518
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(67.043.268.190)	(11.916.342.932)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.227.557.171	8.991.460.739
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	4.707.920.771	8.991.460.739
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	1.519.636.400	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.047.993.011.916	2.102.438.357.172

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.401.826.963.992	1.554.612.838.097
I. Nợ ngắn hạn	310		779.918.636.782	1.017.739.540.725
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	170.063.139.661	207.437.078.737
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	314.473.238.945	405.641.058.886
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	16.691.871.411	26.304.106.206
4. Phải trả người lao động	314		8.158.437.724	11.650.391.461
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	61.490.890.972	60.599.040.881
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	2.926.098.191	2.180.657.302
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	100.185.865.638	163.106.022.490
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	93.528.521.904	130.079.777.844
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	12.400.572.336	10.741.406.918
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		621.908.327.210	536.873.297.372
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	100.756.297.605	92.555.736.303
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	211.084.824.000	113.684.824.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	310.067.205.605	330.632.737.069
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		646.166.047.924	547.825.519.075
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	640.181.240.446	541.840.711.597
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.342.507.391	44.697.007.190
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		311.421.999.031	255.998.677.449
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		250.182.722.319	255.998.677.449
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		61.239.276.712	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		62.416.734.024	26.145.026.958
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.984.807.478	5.984.807.478
1. Nguồn kinh phí	431		5.984.807.478	5.984.807.478
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.047.993.011.916	2.102.438.357.172

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 15 tháng 4 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lê Quang Hưng



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	372.145.821.937	457.596.834.750
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.243.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		372.143.578.937	457.596.834.750
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	342.218.072.970	327.184.996.418
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.925.505.967	130.411.838.332
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	244.786.303.314	134.718.568.913
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	85.097.959.367	63.942.132.003
Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.954.007.514	54.690.052.536
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(25.578.426.989)	(5.487.887.011)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	695.673.437	3.430.864.201
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	85.217.898.924	51.764.956.088
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		78.121.850.564	140.504.567.942
12. Thu nhập khác	31	VI.7	4.405.770.753	8.812.067.626
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.172.788.488	1.072.367.711
14. Lợi nhuận khác	40		3.232.982.265	7.739.699.915
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		81.354.832.829	148.244.267.857
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	6.779.884.301	16.603.492.469
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.519.636.400)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		76.094.584.928	131.640.775.388
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		72.315.110.380	132.350.170.531
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.779.474.548	(709.395.143)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.157	5.924
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	3.157	5.924

Lập, ngày 15 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Quang Hưng

Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	81.354.832.829	148.244.267.857
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.10; 11	50.366.519.310	56.119.293.105
- Các khoản dự phòng	03	105.207.916.777	13.046.626.362
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.3	(36.544.011)	62.975.633
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(211.166.888.231)	(137.429.153.920)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	29.954.007.514	54.690.052.536
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	55.679.844.188	134.734.061.573
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(111.673.323.529)	125.214.845.692
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	196.707.672.595	54.774.590.133
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(108.269.294.085)	(91.830.938.151)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.610.340.592	(1.783.834.043)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.076.999.768)	(58.982.008.120)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(19.838.339.565)	(2.383.774.291)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.20	(3.134.473.000)	(1.446.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.994.572.572)	158.296.342.793
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(309.511.255.652)	(51.326.322.441)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.211.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(44.760.000.000)	(87.845.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.992.266.406	11.088.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25 V.2	(47.115.100.000)	(69.489.904.899)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	480.609.228.706	128.188.590.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.812.697.856	32.812.197.699
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	142.027.837.316	(33.360.939.641)

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	33.120.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	242.846.070.209	540.630.561.216
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(286.878.878.975)	(674.150.302.843)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.958.650)	(12.090.742.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.916.767.416)	(145.610.483.627)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		119.116.497.328	(20.675.080.475)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23.870.514.337	44.585.322.189
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.404.154)	(39.727.377)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	142.985.607.511	23.870.514.337

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 15 tháng 4 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lê Quang Hưng



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là xây lắp và chế tạo cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi nhuận năm nay chủ yếu từ hoạt động thanh lý 2 khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông và Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam, với lãi thanh lý là 191.576.776.519 VND (Xem thêm Thuyết minh V.2 và VI.3).

6. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 4 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Trong đó, 3 công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này (Xem Thuyết minh I.6b). Công ty TNHH Thủy điện Bản Mông đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 2901905544 ngày 10 tháng 10 năm 2017 nhưng chưa được Công ty mẹ góp vốn, chưa đi vào hoạt động. Do đó, Công ty con này không phát sinh số liệu phải hợp nhất trong năm.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCĐ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của công ty con tại ngày thoái vốn như sau:

	Số tiền
Tài sản	115.796.027.977
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.050.588.544
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	19.376.603.540
Trả trước người bán	117.561.477
Phải thu ngắn hạn khác	1.665.705.246
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(299.249.600)
Hàng tồn kho	76.273.979.929
Chi phí trả trước ngắn hạn	(62.702.091)
Thuế GTGT được khấu trừ	998.675.535
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	201.671.412
Phải thu về cho vay dài hạn	3.093.309.300
Tài sản cố định	6.612.715.794
Chi phí trả trước dài hạn	1.767.168.891
Nợ phải trả	39.941.605.547
Phải trả người bán ngắn hạn	22.436.643.985
Người mua trả trước	7.555.080.289
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	554.751.205
Phải trả người lao động	232.834.144
Chi phí phải trả ngắn hạn	978.363.048
Phải trả ngắn hạn khác	747.125.547
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.318.040.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	118.767.329
Tài sản thuần	75.854.422.430
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng	100%
Tài sản thuần chuyển nhượng	75.854.422.430

Lãi/(Lỗ) liên quan đến thoái vốn tại công ty con như sau:

Giá chuyển nhượng	150.000.000.000
Giá trị tài sản thuần chuyển nhượng	75.854.422.430
Lãi thoái vốn	74.145.577.570

Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại công ty con:

Thu bằng tiền	150.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty con tại ngày chuyển nhượng	(6.050.588.544)
Tiền thu thuần	143.949.411.456

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất**Công ty con có hình thức sở hữu vốn là công ty TNHH Một thành viên**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Điện Sông Mực (**)	Thôn Xuân Lai, xã Hải Vân, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	90,00%	90,00%	100%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty con khác (có hình thức sở hữu vốn là công ty cổ phần)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung	Xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92,68%	92,68%	92,68%
Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi (*) (**)	Tổ 1, thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	45,58%	45,58%	51,00%

- (*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3002076426 ngày 12 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp, Công ty mẹ đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi 51.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ đã đầu tư 39.780.000.000 VND, trong đó có 3.000.000.000 VND là khoản đầu tư do cá nhân ủy thác. Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty là 45,58%, của cá nhân ủy thác là 3,72%. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 11.220.000.000 VND.

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Tổ 21, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng	42,89%	42,89%	42,89%
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Km Số 9, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Cơ điện và xây dựng	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Số 20 đường Trần Nhật Duật, phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Xây dựng công trình	27,11%	27,11%	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Phố Vũ, Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng công trình	29,28%	29,28%	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	24A Nguyễn Cư Trinh, phường Thuận Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng công trình	47,20%	47,20%	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi (**)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Cơ điện	25,58%	25,58%	46,39%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 (**)	220 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ khí và xây lắp	28,95%	28,95%	44,45%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Khu Pheo, nhà điều hành sân Golf Hòa Bình-Geleximco, thị trấn Kỳ Sơn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	Số 55 Trần Nhật Duật, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ điện và xây dựng	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Bản Chuông, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư dự án thủy điện	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Đakrông (**)	Làng Byang, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,57%	38,57%	40,21%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện (**)	Số nhà 56, ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc	44,77%	44,77%	49,64%
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	Km 18 Quốc Lộ 5A, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đầu tư dự án khu công nghiệp cơ khí năng lượng	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Agreesteel – Việt Nam	Số 6 Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Vận chuyển, buôn bán vật liệu	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm thép	50,00%	50,00%	50,00%

(**) Một số Công ty có tỷ lệ lợi ích nhỏ hơn tỷ lệ quyền biểu quyết do có các cá nhân ủy thác đầu tư và Tổng Công ty được hưởng quyền biểu quyết (Xem thuyết minh V.18b).

6d. Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 (*)	Tầng 2, tòa nhà Vinamilk, số 4, đại lộ Lê Nin, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây dựng	36,18%	36,18%	36,18%

(*) Công ty mẹ không thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty trên để phục vụ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6e. Tình hình hoạt động của các Công ty con, công ty liên kết

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Công ty liên kết sau hiện đang ngừng hoạt động:

- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty TNHH Thủy điện Bản Mông chưa đi vào hoạt động. Toàn bộ hoạt động đầu tư Dự án Thủy điện Bản Mông được Công ty mẹ trực tiếp thực hiện (xem Thuyết minh V.12).

Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi và Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

Các công ty con khác và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.578.329.645	2.153.120.880
Tiền gửi ngân hàng	35.345.592.866	21.717.393.457
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	105.061.685.000	-
Cộng	142.985.607.511	23.870.514.337

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCĐ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm		Cộng
	Giá gốc	Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư	Giá gốc	Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư	
Các công ty được phân ánh theo phương pháp Vốn chủ sở hữu					
Công ty Cổ phần Xây dựng 25 ⁽ⁱ⁾	4.203.700.000	(5.975.212.362)	4.203.700.000	(4.178.530.099)	25.169.90
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng ⁽ⁱ⁾	22.080.000.000	2.836.323.887	22.080.000.000	2.775.713.885	24.855.713.88
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng ⁽ⁱⁱ⁾	2.439.680.000	(663.296.138)	2.439.680.000	(382.530.026)	2.057.149.97
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1 ⁽ⁱⁱ⁾	6.028.780.000	2.990.464.898	6.028.780.000	3.334.026.013	7.047.706.01
Công ty Cổ phần Xây dựng 26 ⁽ⁱ⁾	7.079.880.000	1.441.927.844	7.079.880.000	1.471.251.619	8.551.131.61
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi ⁽ⁱ⁾	9.357.100.000	1.542.016.500	9.357.100.000	1.366.176.946	10.723.276.94
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ⁽ⁱ⁾	6.667.000.000	8.104.950.301	6.667.000.000	7.281.113.653	13.948.113.65
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đồng Dương ⁽ⁱ⁾	2.600.000.000	751.961.106	2.600.000.000	804.062.622	3.404.062.62
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh ⁽ⁱ⁾	1.796.036.596	-	1.796.036.596	-	1.896.036.59
Công ty Cổ phần Đakrông ^(iv)	27.000.000.000	33.956.671.112	27.000.000.000	56.032.365.389	83.032.365.38
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện ⁽ⁱ⁾	14.892.300.000	19.983.354.047	14.892.300.000	18.533.173.079	33.425.473.07
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo ⁽ⁱ⁾	9.113.853.216	-	9.113.853.216	-	9.113.853.21
Công ty Cổ phần Agreensteel – Việt Nam ⁽ⁱ⁾	1.200.000.000	65.543.532	1.200.000.000	55.985.146	1.255.985.14
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE ⁽ⁱ⁾	22.125.000.000	(8.457.518.974)	22.125.000.000	(4.937.195.485)	17.187.804.51
Các công ty được phân ánh theo phương pháp giá gốc					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 ⁽ⁱ⁾	7.236.191.473	-	7.236.191.473	(7.236.191.473)	-
Cộng	147.819.521.285	56.577.185.753	141.604.421.285	74.919.421.269	216.523.842.55

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản đầu tư sau không thay đổi so với số đầu năm:

Tên Công ty	Số Cổ phần	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	420.370	42,89%
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	2.208.000	46,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	723.619	36,18%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	243.968	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	707.988	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	935.710	25,58%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	888.933	28,95%
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	260.000	40,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	179.604	50,00%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.489.230	44,77%
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	911.385	46,00%
Công ty Cổ phần Agreesteel - Việt Nam	120.000	30,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE		50,00%

(ii) Trong năm, Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1 thực hiện tăng vốn điều lệ từ 17.674.700.000 VND lên thành 30.000.000.000 VND. Trong đó, Tổng Công ty được chia cổ tức 129.370 cổ phiếu và được quyền mua mới 231.510 cổ phiếu. Tổng Công ty đã đầu tư thêm 2.315.100.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty nắm giữ 878.360 cổ phiếu, tương đương 29,28% vốn điều lệ (số đầu năm là 517.480 cổ phiếu, tương đương 29,28% vốn điều lệ).

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400498893 ngày 07 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp, Tổng Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình 40.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Trong năm, Tổng Công ty đã đầu tư 4.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đã đầu tư 4.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn thực góp. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 36.000.000.000 VND.

(iv) Trong năm, Công ty Cổ phần Đaksrông thực hiện tăng vốn điều lệ (từ 94.000.000.000 VND lên 122.200.000.000 VND) từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối. Tổng Công ty được nhận thêm 1.134.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty nắm giữ 4.914.000 cổ phiếu, tương đương 40,21% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.780.000 cổ phiếu, tương đương 40,21% vốn điều lệ).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tổng công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Công ty liên kết phân phối lợi nhuận	Tặng/Giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	25.169.901	-	(1.796.682.263)	-	-	-	(1.771.512.362)
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	24.855.713.885	-	60.610.002	-	-	-	24.916.323.887
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.057.149.974	-	(280.766.112)	-	-	-	1.776.383.862
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	7.047.706.013	2.315.100.000	97.411.286	(175.943.200)	(265.029.201)	-	9.019.244.898
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	8.551.131.619	-	161.215.193	(412.816.000)	(190.538.968)	-	8.521.807.844
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	10.723.276.946	-	588.655.554	(868.600.500)	(676.313.665)	-	10.899.116.500
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	13.948.113.653	-	2.368.750.813	-	-	-	14.771.950.301
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	-	4.000.000.000	-	-	-	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	3.404.062.622	-	(52.101.516)	-	-	-	3.351.961.106
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh (i)	1.896.036.596	-	-	-	-	(100.000.000)	1.796.036.596
Công ty Cổ phần Đakrông	83.032.365.389	-	16.061.146.880	(36.260.000.000)	(1.876.841.157)	-	60.956.671.112
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	33.425.473.079	-	4.252.560.979	(2.014.573.500)	(787.806.511)	-	34.875.654.047
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	9.113.853.216	-	-	-	-	-	9.113.853.216
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	1.255.985.146	-	119.581.898	(110.023.512)	-	-	1.265.543.532
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	17.187.804.515	-	(3.520.323.489)	-	-	-	13.667.481.026
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	-	-	-	-	-	7.236.191.473	7.236.191.473
Cộng	216.523.842.554	6.315.100.000	18.060.059.225	(39.841.956.712)	(3.796.529.502)	7.136.191.473	204.396.707.038

(i) Phần loại lại khoản đầu tư của Công ty TNHH Điện Sông Mực (Công ty con) vào Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh, số tiền 100.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng		
Vay ngắn hạn Công ty liên kết	-	16.800.000.000
Trả gốc vay cho Công ty liên kết	18.000.000.000	16.800.000.000
Chi phí lãi vay phải trả Công ty liên kết	432.251.793	1.492.244.405
Chuyển tiền góp vốn vào Công ty liên kết	-	11.040.000.000
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	21.320.717	50.214.750
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	25.150.536.203	52.946.560.772
Giảm giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	(150.126.637)	(10.508.783.127)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng		
Giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	(693.016.500)	1.308.782.200
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1		
Phí tổng thầu phải thu Công ty liên kết	30.559.025	-
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	35.630.375.455	-
Góp vốn vào Công ty liên kết	2.315.100.000	-
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	175.943.200	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi		
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	412.816.000	653.198.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276		
Vay ngắn hạn Công ty liên kết	-	40.000.000.000
Trả nợ vay ngắn hạn cho Công ty liên kết	3.000.000.000	1.500.000.000
Chi phí lãi vay phải trả Công ty liên kết	6.771.045.665	6.262.711.597
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	1.333.400.000	1.333.400.000
Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác	464.799.000	464.799.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình		
Góp vốn vào Công ty liên kết	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đaksrông		
Vay ngắn hạn Công ty liên kết	-	77.500.000.000
Trả tiền vay và lãi vay cho công ty liên kết	-	88.206.374.142
Chi phí lãi vay phải trả Công ty liên kết	-	4.028.655.803
Cổ tức 2018 được chia từ Công ty liên kết	36.260.000.000	18.130.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện		
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	2.014.573.500	2.014.573.500
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	1.162.033.439	-
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	4.671.549.034	1.048.977.802
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	110.023.512	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	25.743.244.496	6.477.971.879
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	2.221.637.600	13.332.255

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh
 Tổng công ty đã dùng 3.780.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đaksrông để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch 1.

Ngoài ra, Tổng Công ty còn dùng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	1.723.110.000	(1.185.016.000)	1.723.110.000	(1.031.501.459)
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy Lợi II	3.048.650.000	(3.048.650.000)	3.048.650.000	(3.048.650.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Công trình Miền Trung	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex ⁽ⁱ⁾	206.666.690	-	538.969.505	-
Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam	4.665.700.000	-	4.665.700.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng và Hợp tác lao động	384.317.176	(384.317.176)	384.317.176	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	217.275.015.837	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê ⁽ⁱⁱⁱ⁾	270.300.000.000	(54.589.093.541)	229.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
Cộng	285.928.443.866	(59.807.076.717)	462.735.762.518	(4.680.151.459)

- (i) Trong năm, Tổng Công ty đã bán 38.590 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex với số tiền 1.929.500.000 VND, lãi 1.592.373.435 VND.
- (ii) Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 21.733.242 cổ phần và quyền góp vốn 24.166.758 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ (900 tỷ đồng) của Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô với giá trị chuyển nhượng 334.735.141.000 VND, lãi chuyển nhượng 117.431.198.949 VND.
- (iii) Trong năm, Tổng Công ty đầu tư thêm 40.800.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (tên cũ là Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đã đầu tư 270.300.000.000 VND (số đầu năm là 229.500.000.000 VND).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.916.342.932	10.798.751.473
Trích lập dự phòng bổ sung	55.126.925.258	1.117.591.459
Số cuối năm (*)	67.043.268.190	11.916.342.932

(*) Trong đó, số dự phòng cho các khoản góp vốn vào đơn vị khác là 59.807.076.717 VND, số dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty liên kết không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24) là 7.236.191.473 VND.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	56.782.678.228	21.075.024.112
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	1.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000	281.469.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	557.872.514	573.663.433
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	1.278.236.783	-
Công ty Cổ phần Đakrông	-	1.800.000
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	9.969.409.342	5.247.801.933
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	-	28.602.755
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	43.045.690.589	14.941.686.991
Phải thu các khách hàng khác	244.533.133.804	264.192.068.531
Ban quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 2	26.702.268.667	30.277.964.667
Power Machines	175.847.457.164	159.145.131.596
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	8.752.003.776	13.898.743.209
Các khách hàng khác	33.231.404.197	60.870.229.059
Cộng	301.315.812.032	285.267.092.643

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán****4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	7.897.917.596	10.142.612.854
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	400.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	429.165.905	925.132.401
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	4.788.725.531	4.788.725.531
Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	-	3.800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	785.503.822	285.503.822
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây lắp 276	343.251.100	343.251.100
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	1.151.271.238	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	160.509.887.962	71.700.803.973
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Sản phẩm công nghiệp quốc tế	17.159.292.930	17.119.835.243
Công ty TNHH Kỹ thuật thương mại Balkan	14.807.023.875	14.807.023.875
Công ty TNHH Andritz (China) Ltd	78.049.717.969	4.661.000.000
Voith Hydro Pvt.Ltd	19.580.822.166	-
Các nhà cung cấp khác	30.913.031.022	35.112.944.855
Cộng	<u>168.407.805.558</u>	<u>81.843.416.827</u>

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho vay các bên liên quan, bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê ⁽ⁱ⁾	102.497.733.594	77.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Sông Hồng	200.000.000	530.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	815.424.173	815.424.173
Cộng	<u>103.513.157.767</u>	<u>78.345.424.173</u>

⁽ⁱ⁾ Là khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (bên liên quan) vay theo các hợp đồng với lãi suất từ 7,5% đến 9,5%/ năm.

Chi tiết số phát sinh khoản cho vay trong năm như sau

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	78.345.424.173	15.345.424.173
Cho vay	38.760.000.000	77.000.000.000
Trả nợ	(13.492.266.406)	(14.000.000.000)
Số cuối năm	<u>103.513.157.767</u>	<u>78.345.424.173</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	48.872.930.259	(2.108.027.428)	36.192.947.462	(2.008.027.428)
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	286.634.174	-	454.782.174	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	-	-	11.420.475	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	24.936.779.669	(1.700.000.000)	22.988.236.484	(1.700.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	5.642.819.655	-	822.423.487	-
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi 1	3.485.373.651	-	3.804.993.651	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	4.376.001.534	-	4.006.597.884	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	8.106.450	-	356.674.450	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	74.640.000	-	74.640.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	166.578.807	-	166.578.807	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	126.018.752	(126.018.752)	26.018.752	(26.018.752)
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	282.008.676	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	9.487.968.891	-	3.198.249.163	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	-	-	323.459	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	50.421.351.934	(10.903.017.941)	51.011.766.186	(935.446.229)
Tạm ứng	20.601.301.874	(6.699.633.315)	17.903.129.045	(624.530.177)
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	8.615.873.937	-	8.615.873.937	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.204.176.123	(4.203.384.626)	24.492.763.204	(310.916.052)
Cộng	99.294.282.193	(13.011.045.369)	87.204.713.648	(2.943.473.657)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mòng ⁽ⁱ⁾	4.302.999.187	4.302.999.187
Ký cược, ký quỹ khác	312.440.000	312.440.000
Cộng	4.615.439.187	4.615.439.187

(i) Là khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mòng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An theo thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 141/TT-SKHĐT ngày 10 tháng 11 năm 2017.

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các bên liên quan	2.389.496.428	(2.389.496.428)	2.289.496.428	(2.289.496.428)
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	282.008.676	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.981.469.000	(1.981.469.000)	1.981.469.000	(1.981.469.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	126.018.752	(126.018.752)	26.018.752	(26.018.752)

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>189.978.208.127</i>	<i>(54.650.470.102)</i>	<i>4.968.728.183</i>	<i>(4.968.728.183)</i>
Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	1.184.062.138	(1.184.062.138)	2.698.256.313	(2.698.256.313)
Power Machines	175.847.457.164	(40.519.719.139)		
Tạm ứng	6.699.633.315	(6.699.633.315)	624.530.177	(624.530.177)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.247.055.510	(6.247.055.510)	1.645.941.693	(1.645.941.693)
Cộng	192.367.704.555	(57.039.966.530)	7.258.224.611	(7.258.224.611)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.258.224.611	2.565.381.181
Trích lập dự phòng bổ sung	50.080.991.519	4.692.843.430
Giảm do thanh lý Công ty con	(299.249.600)	-
Số cuối năm	57.039.966.530	7.258.224.611

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	186.662.990	-
Nguyên liệu, vật liệu	40.385.526.916	-	48.528.933.668	-
Công cụ, dụng cụ	940.535.442	-	1.165.622.787	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.133.518.293	-	162.164.713.668	-
Thành phẩm	2.321.646.031	-	2.321.646.031	-
Hàng hóa	46.838.144.995	-	145.959.465.128	-
Cộng	163.619.371.677	-	360.327.044.272	-

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	205.898.158	454.798.626
Chi phí bảo hiểm	147.378.014	207.779.874
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.822.043.179	1.839.541.475
Cộng	3.175.319.351	2.502.119.975

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	703.718.370	933.846.552
Chi phí sửa chữa	3.383.766.310	5.042.727.068
Các chi phí trả trước dài hạn khác	620.436.091	3.014.887.119
Cộng	4.707.920.771	8.991.460.739

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCĐ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	162.565.779.507	321.590.401.220	254.841.913.611	677.021.055	524.706.613	740.199.822.006
Mua trong năm	-	136.100.000	-	-	-	136.100.000
Giảm khác	-	(39.000.000)	-	-	-	(39.000.000)
Giảm do thanh lý Công ty con	(11.854.836.373)	(721.015.258)	(2.647.514.379)	(525.513.534)	-	(15.748.879.544)
Phân loại lại	(36.088)	(525.477.446)	-	525.513.534	-	-
Số cuối năm	150.710.907.046	320.441.008.516	252.194.399.232	677.021.055	524.706.613	724.548.042.462
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.722.803.341	37.378.014.654	3.634.777.646	299.128.814	465.584.613	61.500.309.068
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	65.532.130.796	130.322.761.719	90.843.467.256	491.356.252	471.641.927	287.661.357.950
Khấu hao trong năm	5.603.015.366	20.915.165.407	23.395.647.459	55.758.150	42.495.840	50.012.082.222
Giảm khác	-	(39.000.000)	-	-	-	(39.000.000)
Giảm do thanh lý Công ty con	(6.001.681.180)	(505.424.354)	(2.103.544.682)	(525.513.534)	-	(9.136.163.750)
Phân loại lại	-	(546.652.657)	46.092.638	500.560.019	-	-
Số cuối năm	65.133.464.982	150.146.850.115	112.181.662.671	522.160.887	514.137.767	328.498.276.422

Giá trị còn lại

Số đầu năm	97.033.648.711	191.267.639.501	163.998.446.355	185.664.803	53.064.686	452.538.464.056
Số cuối năm	85.577.442.064	170.294.158.401	140.012.736.561	154.860.168	10.568.846	396.049.766.040

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng - -
 Đang chờ thanh lý - -

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 361.654.454.930 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm máy tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.157.129.360	2.368.907.436	788.221.924
Khấu hao trong năm		354.437.088	(354.437.088)
Giảm do thanh lý Công ty con	(491.629.360)	(491.629.360)	-
Số cuối năm	2.665.500.000	2.231.715.164	433.784.836

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>129.892.400</i>	-	<i>129.892.400</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>45.607.317.924</i>	<i>228.796.625.209</i>	<i>274.403.943.133</i>
Công trình Thủy điện Bản Mòng	34.902.343.587	162.314.153.124	197.216.496.711
Công trình Thủy điện Ngàn Trươi	8.292.694.190	65.104.242.092	73.396.936.282
Công trình khác	2.412.280.147	1.378.229.993	3.790.510.140
Cộng	45.737.210.324	228.796.625.209	274.533.835.533

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm (Công trình Thủy điện Bản Mòng) là 1.903.112.213 VND.

Tài sản phát sinh từ công trình Thủy điện Bản Mòng và Thủy điện Ngàn Trươi đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

13. Phải trả người bán**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>51.598.115.961</i>	<i>52.436.016.164</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	3.988.400.076	12.123.062.384
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	17.837.661.229	8.631.900.962
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.816.107.777	1.727.302.758
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.146.926.463	2.909.244.613
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	14.047.304.853	10.560.674.563
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	531.918.363	2.122.575.043
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	7.743.578.538	10.304.459.154
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	3.486.218.662	4.056.796.687
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>118.465.023.700</i>	<i>155.001.062.573</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC	30.354.567.960	30.275.213.960
Các nhà cung cấp khác	88.110.455.740	124.725.848.613
Cộng	170.063.139.661	207.437.078.737

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13b. Phải trả người bán dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	55.178.894.192	40.515.333.452
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	5.054.136.989	5.054.136.989
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	19.362.780.420	17.713.206.420
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	4.737.777.024	4.737.777.024
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	17.992.008.093	11.206.118.380
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	8.032.191.666	1.804.094.639
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	45.577.403.413	52.040.402.851
Cộng	<u>100.756.297.605</u>	<u>92.555.736.303</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	47.905.157.500
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	-	47.905.157.500
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	314.473.238.945	357.735.901.386
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	278.015.448.439	344.220.298.270
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	27.836.586.405	-
Các khách hàng khác	8.621.204.101	13.515.603.116
Cộng	<u>314.473.238.945</u>	<u>405.641.058.886</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Tăng/Giảm do thanh lý Công ty con	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.149.621.358	5.806.818	21.903.966.532	(14.776.330.473)	(42.380.004)	10.234.877.413	5.806.818
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	10.541.300	-	1.448.702.249	(1.459.243.946)	397	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	91.511.589	1.939.049.000	(2.042.915.273)	195.377.862	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.256.088.066	875.000	6.779.884.301	(19.838.339.565)	-	1.205.966.135	875.000
Thuế thu nhập cá nhân	649.942.928	106.776.794	1.536.353.084	(1.794.398.259)	6.293.153	291.414.112	-
Thuế tài nguyên	1.729.364.059	-	7.338.393.061	(7.998.262.411)	-	1.069.494.709	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.069.914.800	-	4.317.303.757	(6.085.338.157)	(512.371.200)	789.509.200	-
Các loại thuế khác	-	-	253.811.528	(253.811.528)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.438.633.695	-	3.661.657.553	(3.999.681.406)	-	3.100.609.842	-
Cộng	26.304.106.206	204.970.201	49.179.121.065	(58.248.321.018)	(353.079.792)	16.691.871.411	6.681.818

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Trong đó, máy móc và thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%; hàng hóa, dịch vụ xuất tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ và các Công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo quy định.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	12.428.727.515	4.990.839.153
Trích trước chi phí công trình	48.957.163.457	54.938.596.229
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	105.000.000	669.605.499
Cộng	<u>61.490.890.972</u>	<u>60.599.040.881</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu cho thuê văn phòng	94.742.890	65.755.559
Doanh thu cho thuê thiết bị	1.500.000.000	-
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	1.331.355.301	2.114.901.743
Cộng	<u>2.926.098.191</u>	<u>2.180.657.302</u>

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>17.120.763.037</u>	<u>43.292.717.433</u>
Phải trả thù lao HĐQT, BKS	450.000.000	732.400.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	2.735.412.270	2.609.466.666
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	10.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.336.171.595	1.336.171.595
Công ty Cổ phần Đakrông	11.784.500.000	37.800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	804.679.172	804.679.172
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	<u>83.065.102.601</u>	<u>119.813.305.057</u>
Kinh phí công đoàn	832.512.144	827.949.825
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.529.026.250	1.374.751.292
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.388.566.295	4.492.524.945
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	-	50.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	63.314.997.912	63.118.078.995
Cộng	<u>100.185.865.638</u>	<u>163.106.022.490</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	134.400.000.000	39.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc - Góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mông	134.400.000.000	39.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	76.684.824.000	74.684.824.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân góp vốn tại công ty liên kết:	9.082.710.000	9.082.710.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp 276	2.324.000.000	2.324.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.461.810.000	1.461.810.000
Công ty Cổ phần Đaksrông	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	4.196.900.000	4.196.900.000
Phải trả Bà Trần Thị Xuân - Góp vốn vào Dự án thủy điện Bản Mông	7.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long - Tạm ứng hợp tác kinh doanh	58.000.000.000	60.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.552.114.000	2.552.114.000
Cộng	211.084.824.000	113.684.824.000

19. Vay**19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	-	5.500.000.000
Bà Lê Bích Hạnh - Bên liên quan của thành viên HĐQT ⁽ⁱⁱ⁾	-	5.500.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	48.655.145.835	75.976.526.858
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I ⁽ⁱ⁾	48.655.145.835	38.026.123.334
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	5.217.252.990
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	-	15.055.862.596
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3 thành phố Hồ Chí Minh	-	17.677.287.938
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.940.714.000	5.170.850.986
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	39.932.662.069	43.432.400.000
Cộng	93.528.521.904	130.079.777.844

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng hạn mức số 01/2019/275/HĐTD ngày 06/12/2019 với mục đích cho vay ngắn hạn, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức cho vay là 800 tỷ VND. Hạn mức trên đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của khách hàng tại ngân hàng được chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/275/HĐTD ngày 23/8/2018. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp dây chuyền máy móc thiết bị và 3.780.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đaksrông có giá trị tại thời điểm thế chấp là 37.800.000.000 VND. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Các khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn bên liên quan	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	5.500.000.000	75.976.526.858	5.170.850.986	43.432.400.000	130.079.777.844
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	78.665.173.904	-	-	78.665.173.904
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	-	39.932.662.069	39.932.662.069
Số tiền vay đã trả trong năm	(5.500.000.000)	(103.425.466.989)	(230.136.986)	(43.432.400.000)	(152.588.003.975)
Giảm do thanh lý Công ty con	-	(17.677.287.938)	-	-	(17.677.287.938)
Phân loại lại	-	15.116.200.000	-	-	15.116.200.000
Số cuối năm	-	48.655.145.835	4.940.714.000	39.932.662.069	93.528.521.904

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn bên liên quan	84.180.000.000	145.770.875.000
Công ty Cổ phần Thiết bị cơ điện và Xây dựng	-	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ⁽ⁱ⁾	80.000.000.000	78.500.000.000
Ông Lê Văn An ⁽ⁱⁱ⁾	-	13.090.875.000
Ông Đồng Tuấn Vũ ⁽ⁱⁱ⁾	4.180.000.000	24.180.000.000
Bà Lê Thị Tuyết Mai – Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT ⁽ⁱⁱ⁾	-	12.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	201.780.896.305	123.848.862.069
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	174.655.990.614	123.848.862.069
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình ^(iv)	27.124.905.691	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	24.106.309.300	61.013.000.000
Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông	3.093.309.300	-
Công ty TNHH Kenle	16.900.000.000	16.900.000.000
Công đoàn Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP	2.300.000.000	2.300.000.000
Công đoàn Cơ quan Văn phòng Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP	813.000.000	813.000.000
Ông Nguyễn Văn Tam ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	1.000.000.000
Ông Lương Xuân Hà ⁽ⁱⁱ⁾	-	40.000.000.000
Cộng	310.067.205.605	330.632.737.069

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Vay Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 18 tháng.
- (ii) Các khoản vay dài hạn không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để trả nợ vay ngân hàng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư với lãi suất từ 7% đến 8% / năm, thời hạn vay từ 13 tháng tới 36 tháng tùy từng hợp đồng.
- (iii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 1:

Tại Công ty mẹ, khoản vay theo hợp đồng dài hạn năm 2019 để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Mông. Thời hạn vay 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 05/9/2019), trong đó thời gian ân hạn gốc tối đa 27 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả sau + margin 3,5% và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi vay trong thời gian ân hạn được nhập gốc, hết thời gian ân hạn sẽ thanh toán hàng quý. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản liên quan đến Dự án được hình thành từ vốn vay.

Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung (Công ty con), khoản vay theo hợp đồng dài hạn năm 2015 để thanh toán dư nợ của khoản đầu tư dự án VDB – Chi nhánh Thanh Hóa. Thời gian vay 120 tháng, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 18 tháng 02 năm 2016. Lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Bên cho vay cộng phí 2%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và các bất động sản khác của Dự án, Công trình Dự án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các Tài khoản, các quyền tài sản và các quyền theo các hợp đồng (kể cả quyền theo các Văn kiện Dự án; quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ Hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng bán điện) cả Bên vay liên quan đến Dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản (xem thuyết minh V.10).

- (iv) Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi (Công ty con) để thực hiện Dự án Thủy điện Ngân Trươi. Hạn mức cho vay tối đa là 231.020.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư (không bao gồm VAT) của Dự án. Thời hạn cho vay tối đa là 132 tháng kể từ ngày tiếp theo của Ngày giải ngân Vốn vay lần đầu. Lãi suất cho vay áp dụng cố định 9%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ Ngày giải ngân vốn vay lần đầu (ngày 15/11/2019), trong thời gian tiếp theo là Lãi suất cơ sở cộng với mức biên. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản và các quyền phát sinh từ Dự án, cổ phần của các cổ đông góp vốn tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi và cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	39.932.662.069	43.432.400.000
Trên 1 năm đến 5 năm	161.086.309.300	304.932.737.069
Trên 5 năm	148.980.896.305	25.700.000.000
Cộng	349.999.867.674	374.065.137.069

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay Bên liên quan	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức và các cá nhân khác	Cộng
Số đầu năm	145.770.875.000	123.848.862.069	61.013.000.000	330.632.737.069
Số tiền vay phát sinh trong năm	17.700.000.000	136.480.896.305	10.000.000.000	164.180.896.305
Số tiền vay đã trả trong năm	(80.790.875.000)	(3.500.000.000)	(50.000.000.000)	(134.290.875.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	(39.932.662.069)	-	(39.932.662.069)
Phân loại lại	1.500.000.000	(15.116.200.000)	3.093.309.300 (*)	(10.522.890.700)
Số cuối năm	84.180.000.000	201.780.896.305	24.106.309.300	310.067.205.605

(*) Tăng do ghi tăng khoản vay Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông do chuyển đổi từ công ty con sang bên thứ ba độc lập.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.741.406.918	7.404.620.055
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.912.405.747	5.418.599.850
Chi quỹ	(3.134.473.000)	(1.446.600.000)
Giảm do thanh lý Công ty con	(118.767.329)	(635.212.987)
Số cuối năm	12.400.572.336	10.741.406.918

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	215.000.000.000	42.066.658.593	134.320.523.096	15.488.521.510	406.875.703.199
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	132.350.170.531	(709.395.143)	131.640.775.388
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ	-	-	(50.567.466)	-	(50.567.466)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	7.463.038.471	(12.438.397.452)	(392.673.403)	(5.368.032.384)
Chia cổ tức tại Công ty mẹ	-	-	(9.675.000.000)	-	(9.675.000.000)
Trích thù lao HĐQT và Kiểm soát viên ở Công ty con	-	-	(345.598.425)	(38.399.825)	(383.998.250)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại Công ty con	-	(4.832.689.874)	11.837.547.165	996.973.819	8.001.831.110
Tăng do đầu tư vào Công ty con mới	-	-	-	10.800.000.000	10.800.000.000
Số dư cuối năm trước	215.000.000.000	44.697.007.190	255.998.677.449	26.145.026.958	541.840.711.597
Số dư đầu năm nay	215.000.000.000	44.697.007.190	255.998.677.449	26.145.026.958	541.840.711.597
Công ty con phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	33.120.000.000	33.120.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	72.315.110.380	3.779.474.548	76.094.584.928
Trích lập các quỹ tại Công ty con từ lợi nhuận năm trước	-	-	(119.172.843)	(13.241.427)	(132.414.270)
Trích lập các quỹ tại Công ty con từ lợi nhuận năm nay	-	6.645.500.201	(11.075.833.668)	(349.658.010)	(4.779.991.477)
Chia cổ tức tại Công ty mẹ	-	-	(12.900.000.000)	-	(12.900.000.000)
Chia cổ tức tại Công ty con	-	-	(178.469.550)	(460.871.428)	(460.871.428)
Trích thù lao HĐQT và Kiểm soát viên ở Công ty con	-	-	(2.995.789)	(19.829.950)	(198.299.500)
Tăng do thanh lý Công ty con	-	-	-	-	2.995.789
Tăng do khôi phục giá gốc khoản đầu tư vào Công ty liên kết (*)	-	-	7.236.191.473	-	7.236.191.473
Tăng khác	-	-	142.500.001	215.833.333	358.333.334
Số dư cuối năm nay	215.000.000.000	51.342.507.391	311.421.999.031	62.416.734.024	640.181.240.446

(*) Xem Thuyết minh V.2b.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 12.900.000.000

21d. Thông tin khác

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, Tổng Công ty đã có Văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả chào mua công khai để mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ. Theo đó, số lượng cổ phiếu đã mua được là 2.128.500 cổ phiếu (tương đương với 9,9% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trước khi chào mua) với tổng giá mua 54.276.750.000 VND, phí chuyển nhượng 54.276.750 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**22a. Tài sản nhận giữ hộ**

Là vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của Ban Quản lý Thủy lợi 3 của Bộ Nông Nghiệp phục vụ dự án Vân Đình có giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.387.959.951 VND, số đầu năm là 2.395.277.728 VND.

22b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	10.785,15	8.984,76
Euro (EUR)	140,97	51,85

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng cơ khí	219.991.416.035	279.220.469.544
Doanh thu bán điện	82.030.852.262	92.777.311.361
Doanh thu bán hàng hóa	45.923.044.071	75.733.980.877
Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.807.368.539	1.610.264.005
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.393.141.030	8.254.808.963
Cộng	<u>372.145.821.937</u>	<u>457.596.834.750</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê với số tiền là 38.946.622.940 VND (năm trước là 11.176.768.244 VND)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hợp đồng cơ khí	269.315.525.142	248.852.254.769
Giá vốn bán điện	24.199.965.562	23.234.197.008
Giá vốn của hàng hóa đã bán	41.514.316.614	61.712.936.649
Giá vốn hợp đồng xây dựng	(3.729.541.121)	(7.890.578.102)
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.917.806.773	1.276.186.094
Cộng	<u>342.218.072.970</u>	<u>327.184.996.418</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.250.348.347	443.628.880
Lãi tiền cho vay	3.656.269.360	3.196.138.075
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.671.818.920	30.023.884.646
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.172.722	368.723.497
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	36.544.011	51.106.972
Lãi thanh lý Công ty con	74.145.577.570	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	119.023.572.384	91.910.379.505
Lãi phải thu các thầu phụ	-	8.724.707.338
Cộng	<u>244.786.303.314</u>	<u>134.718.568.913</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	29.954.007.514	54.690.052.536
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.345.043	417.588.398
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	114.082.605
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	55.126.925.258	8.353.782.932
Chi phí tài chính khác	1.681.552	366.625.532
Cộng	<u>85.097.959.367</u>	<u>63.942.132.003</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	36.239.610	51.366.818
Chi phí bảo hành	790.343	118.704.422
Chi phí bằng tiền khác	658.643.484	3.260.792.961
Cộng	<u>695.673.437</u>	<u>3.430.864.201</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	21.208.926.172	23.480.728.311
Chi phí vật liệu quản lý	195.760.331	201.087.641
Chi phí đồ dùng văn phòng	229.095.479	228.675.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.657.410.044	1.971.475.203
Thuế, phí và lệ phí	3.657.587.620	3.950.172.089
Dự phòng phải thu khó đòi	50.080.991.519	4.692.843.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.995.578.250	6.158.616.252
Các chi phí khác	5.192.549.509	11.081.357.578
Cộng	<u>85.217.898.924</u>	<u>51.764.956.088</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.211.500.000
Tiền chi phí chung phải thu các thầu phụ	-	2.400.161.351
Thu tiền điện, nước	648.043.545	209.500.860
Tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	3.376.274.448	-
Thu nhập khác	381.452.760	2.990.905.415
Cộng	<u>4.405.770.753</u>	<u>8.812.067.626</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí điện nước	533.549.885	199.563.100
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	618.833.622	723.318.828
Chi phí khác	20.404.981	149.485.783
Cộng	<u>1.172.788.488</u>	<u>1.072.367.711</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	72.315.110.380	132.350.170.531
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty con	(4.430.333.467)	(4.975.358.981)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.884.776.913	127.374.811.550
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>21.500.000</u>	<u>21.500.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.157</u>	<u>5.924</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.167.359.819	102.746.040.390
Chi phí nhân công	59.530.124.559	68.168.451.732
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.366.519.310	56.119.293.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	185.778.524.955	81.646.327.146
Chi phí khác	126.696.498.518	75.052.308.209
Cộng	<u>487.539.027.161</u>	<u>383.732.420.582</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Lê Văn An – Chủ tịch HĐQT		
Vay tiền Ông Lê Văn An	1.700.000.000	14.510.250.000
Thanh toán nợ vay cho Ông Lê Văn An	14.790.875.000	7.036.250.000
Lãi vay phải trả Ông Lê Văn An	575.594.164	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Đồng Tuấn Vũ – Thành viên HĐQT		
Vay tiền Ông Đồng Tuấn Vũ	-	24.180.000.000
Thanh toán nợ vay cho Ông Đồng Tuấn Vũ	20.000.000.000	82.000.000.000
Lãi vay phải trả Ông Đồng Tuấn Vũ	440.449.823	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18a và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.014.156.124	1.921.352.781
Thù lao	960.000.000	960.000.000
Cộng	2.974.156.124	2.881.352.781

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đaksrông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Agreensteel-VN	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc	Bên liên quan của thành viên HĐQT

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê</i>		
Lãi vay phải thu bên liên quan	7.001.615.336	2.545.058.694
Góp vốn vào bên liên quan	40.800.000.000	-
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc</i>		
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mòng	95.400.000.000	27.000.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.18 và V.19b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cơ khí
- Lĩnh vực điện
- Lĩnh vực đầu tư tài chính
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực cơ khí</u>	<u>Lĩnh vực điện</u>	<u>Lĩnh vực đầu tư tài chính</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	219.991.416.035	82.030.852.262		70.121.310.640	372.143.578.937
Doanh thu đầu tư tài chính			236.497.238.234		236.497.238.234
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>219.991.416.035</u>	<u>82.030.852.262</u>	<u>236.497.238.234</u>	<u>70.121.310.640</u>	<u>608.640.817.171</u>
Giá vốn hàng bán	269.315.525.142	24.199.965.562		48.702.582.266	342.218.072.970
Dự phòng đầu tư tài chính			55.126.925.258		55.126.925.258
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>(49.324.109.107)</u>	<u>57.830.886.700</u>	<u>181.370.312.976</u>	<u>21.418.728.374</u>	<u>211.295.818.943</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					<u>(85.913.572.361)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					125.382.246.582
Doanh thu hoạt động tài chính khác					8.289.065.080

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực cơ khí	Lĩnh vực điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
Chi phí tài chính khác					(29.971.034.109)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					(25.578.426.989)
Thu nhập khác					4.405.770.753
Chi phí khác					(1.172.788.488)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(6.779.884.301)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1.519.636.400
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					76.094.584.928
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		309.511.255.652			309.511.255.652
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	18.204.828.843	6.788.254.070		25.373.436.397	50.366.519.310
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	279.220.469.544	92.777.311.361		85.599.053.845	457.596.834.750
Doanh thu đầu tư tài chính			125.130.402.226		125.130.402.226
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	279.220.469.544	92.777.311.361	125.130.402.226	85.599.053.845	582.727.236.976
Giá vốn hàng bán	248.852.254.769	23.234.197.008		55.098.544.641	327.184.996.418
Dự phòng đầu tư tài chính			8.353.782.932		8.353.782.932
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	30.368.214.775	69.543.114.353	116.776.619.294	30.500.509.204	247.188.457.626
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(55.195.820.289)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					191.992.637.337
Doanh thu hoạt động tài chính khác					9.588.166.687
Chi phí tài chính khác					(55.588.349.071)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					(5.487.887.011)
Thu nhập khác					8.812.067.626
Chi phí khác					(1.072.367.711)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(16.603.492.469)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					131.640.775.388
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	31.318.747.779	10.406.361.750		9.601.212.912	51.326.322.441
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	34.243.364.860	11.378.131.871		10.497.796.374	56.119.293.105

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực cơ khí	Lĩnh vực điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	755.709.557.333	336.473.465.980	526.795.040.481	268.390.505.202	1.887.368.568.996
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					160.624.442.920
Tổng tài sản					2.047.993.011.916
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	787.950.675.818	88.814.799.768	-	96.615.451.762	973.380.927.348
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					428.446.036.644
Tổng nợ phải trả					1.401.826.963.992
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	902.013.753.044	316.425.281.673	745.688.686.313	106.131.645.110	2.070.259.366.140
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					32.178.991.032
Tổng tài sản					2.102.438.357.172
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	863.434.501.037	109.064.393.272		83.446.931.208	1.055.945.825.517
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					498.667.012.580
Tổng nợ phải trả					1.554.612.838.097

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện đã nêu tại thuyết minh V.21d, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 15 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Quang Hưng

Lê Văn An